



hé ěr méng
荷尔蒙

noun · hormone

Example Sentences

qīng chūn qī shí shēn tǐ lǐ de hé ěr méng huì fā shēng biàn huà
青春时期，身体里的荷尔蒙会发生变化。

During puberty, hormones in the body change.

yī shēng jiàn yì tā jiǎn chá yī xià hé ěr méng shuǐ píng
医生建议她检查一下荷尔蒙水平。

The doctor suggested she check her hormone levels.

Trace each character, then write the word on your own.

荷	荷	荷	荷	荷	荷	荷	荷	荷	荷	荷
荷	荷									
尔	尔	尔	尔	尔	尔	尔	尔			
蒙	蒙	蒙	蒙	蒙	蒙	蒙	蒙	蒙	蒙	蒙
蒙	蒙	蒙	蒙	蒙						